

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 4 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ hôn nhân gia đình sự thụ lý số: 320/2024/TLST- HN ngày 17 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ D, Khóm P, TT. C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Châu Thanh T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Cẩm N và anh Châu Thanh T thoả thuận thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung là Châu Quỳnh N1, sinh ngày 12/02/2014, từ mức 745.000 đồng/tháng (tương ứng $\frac{1}{2}$) mức lương cơ sở tại thời điểm thi hành án (Theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 48/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 9/03/2021 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành) lên mức 1.725.000 đồng/tháng (tương ứng $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu vùng tại nơi anh T cư trú). Thời gian thay đổi mức cấp dưỡng tính từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

2.2. Về tài sản chung:

2.2.1. Giao cho chị Lê Thị Cẩm N diện tích 90 m² đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại: khóm P, TT. C, huyện C,

tỉnh Đồng Tháp tại vị trí các mốc 1, 2, 3, 4, 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 10/03/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C và các tài sản trên đất:

- Nhà ở độc lập 01 tầng trệt. Diện tích $4,8\text{m} \times 16,6\text{m} = 79,68\text{m}^2$. Kết cấu nền gạch men, khung cột bê tông cốt thép, vách tường sơn nước, trần nhựa, cửa nhôm, mặt tiền ốp gạch men trang trí, mái tol kẽm sóng vuông.

- Nhà dưới cấp 4: loại nhà hoàn chỉnh. Diện tích $2,3\text{m} \times 4,8\text{m} = 11,04\text{m}^2$. Kết cấu nền gạch men, khung thép, vách tol kẽm, vách lưới B40, khung thép hình, mái tol kẽm sóng vuông, đòn tay thép.

Các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai theo quy định pháp luật.

2.2.2. Chị Lê Thị Cẩm N có nghĩa vụ giao cho anh Châu Thanh T $\frac{1}{2}$ giá trị đất, căn nhà và công trình kiến trúc là 158.511.000đ (Một trăm năm mươi tám triệu năm trăm mười một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí: Chị Lê Thị Cẩm N phải nộp 3.962.000đ (Ba triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Cẩm N đã nộp 3.087.000đ (Ba triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0013586 ngày 11/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành được khấu trừ vào tiền án phí chị N phải nộp. Chị Lê Thị Cẩm N phải nộp tiếp 875.000đ (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Châu Thanh T phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con và 3.962.000đ (Ba triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.4. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định, định giá tài sản là 3.432.000đ (Ba triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng). Chị Lê Thị Cẩm N và anh Châu Thanh T thỏa thuận mỗi người phải nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 1.716.000đ (Một triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng). Chị Lê Thị Cẩm N đã tạm nộp 3.432.000đ (Ba triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) và đã chi xong. Anh T có trách nhiệm trả lại cho chị N 1.716.000đ (Một triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan